

ẢNH HƯỞNG CỦA CÔNG CỤ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH TỰ HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

TA THỊ NGỌC BÍCH*

Abstract: This study analyzes the current use of artificial intelligence (AI) tools, evaluates their positive impacts and limitations, and proposes solutions to enhance the effectiveness of self-directed learning of Chinese among students majoring in Chinese language at Thuongmai University, Hanoi. Survey data indicate that students primarily use AI for vocabulary lookup and translation, with notable benefits such as rapid comprehension, contextual support, and immediate feedback. However, the application of AI in developing productive skills and domain-specific language remains limited, and there are emerging risks of overreliance on AI tools and diminished independent thinking. Based on these findings, the study proposes solutions to orient AI use toward competency-based development, strengthen critical thinking, and integrate technology with interactive learning activities. The results contribute to clarifying the role of AI in foreign language self-learning and provide a foundation for the effective integration of digital technologies into Chinese language education.

Keywords: *artificial intelligence, AI tools, impact, self-directed learning, Chinese language, Thuongmai University*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong giáo dục đại học, sự phát triển nhanh chóng của các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang tạo ra những thay đổi đáng kể trong cách tiếp cận dạy và học ngoại ngữ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào môi trường giảng dạy trong trường học, chưa đi sâu vào việc phân tích cách thức sinh viên sử dụng công cụ AI trong hoạt động tự học cũng như những ảnh hưởng cụ thể của công cụ này đến năng lực ngôn ngữ của sinh viên.

Tiếng Trung Quốc là ngôn ngữ có hệ thống chữ viết và cấu trúc ngữ nghĩa tương đối phức tạp, khó học, khó nhớ nên nếu như chỉ dạy và học theo phương pháp truyền thống trước đây thường đem lại hiệu quả không cao. Trong khi “các công cụ AI như dịch máy, trợ lý học tập thông minh hay các nền tảng luyện tập ngôn ngữ ngày càng được sinh viên sử dụng như một phương tiện hỗ trợ tự học ngoại ngữ hiệu quả” (Chapelle, 2003). Vì vậy, sinh viên sử dụng các công cụ AI hỗ trợ cho việc tự học tiếng Trung Quốc đang ngày càng phổ biến tại các trường đại học ở Việt Nam. Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại trường Đại học Thương mại có xu hướng sử dụng các công cụ AI trong quá trình tự học để tra cứu từ vựng, dịch văn bản, luyện viết và cải thiện kỹ năng giao tiếp. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ rệt như tăng cường khả năng tiếp cận nguồn ngữ liệu và cá nhân hoá quá trình học tập, việc sử dụng AI cũng đặt ra nhiều vấn đề đáng quan tâm, chẳng hạn như “nguy cơ lệ thuộc vào công nghệ, suy giảm năng lực tư duy ngôn ngữ độc lập, hoặc sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác trong các ngữ cảnh chuyên ngành” (Beatty, 2013).

Thực tiễn giảng dạy cho thấy, mặc dù sinh viên có thể đạt được tiến bộ nhanh trong một số kỹ năng ngôn ngữ nhờ sự hỗ trợ của các công cụ trí tuệ nhân tạo AI, song chất lượng sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt là trong các tình huống giao tiếp học thuật và thương mại vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu một cách hệ thống về ảnh hưởng của các công cụ AI đối với quá trình tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên, từ đó đề xuất một số giải pháp sử dụng công cụ AI hiệu quả và phù hợp với năng lực tự học của sinh viên. Bài viết tiến hành phân tích thực trạng về việc sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thương mại vào việc tự học tiếng Trung Quốc, tìm hiểu vai trò, sự ảnh hưởng của công cụ trí tuệ nhân tạo đối với quá trình học tiếng Trung Quốc, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao việc tự học tiếng Trung Quốc cho sinh viên một cách hiệu quả.

* Trường Đại học Thương mại; Email: bich.ttn@tmu.edu.vn

2. Cơ sở lý luận và tổng quan

2.1. Khái niệm tự học ngoại ngữ trong bối cảnh công nghệ số

Tự học ngoại ngữ được hiểu là quá trình người học chủ động xây dựng mục tiêu, lựa chọn chiến lược và kiểm soát tiến trình học tập của mình mà không phụ thuộc hoàn toàn vào sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên. Trong bối cảnh công nghệ số, “tự học không còn giới hạn trong phạm vi sách giáo trình mà được mở rộng thông qua các nền tảng trực tuyến, kho ngữ liệu điện tử và công cụ hỗ trợ học tập thông minh” (Holec, 1981; Benson, 2011). Sự xuất hiện của công nghệ số đã làm thay đổi bản chất của tự học ngoại ngữ theo hướng tăng cường tính cá nhân hoá và tương tác. Người học có thể tiếp cận nguồn ngữ liệu phong phú, nhận phản hồi tức thời và điều chỉnh chiến lược học tập dựa trên dữ liệu học tập cá nhân. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với việc học tiếng Trung Quốc, “khi người học cần thường xuyên luyện tập và tiếp xúc với ngữ liệu xác thực để nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ” (Nation, 2001).

2.2. Công cụ trí tuệ nhân tạo trong học ngoại ngữ

Công cụ trí tuệ nhân tạo trong học ngoại ngữ bao gồm các hệ thống sử dụng thuật toán học máy và xử lý ngôn ngữ tự nhiên nhằm hỗ trợ người học trong các hoạt động như dịch thuật, kiểm tra lỗi, luyện phát âm và tương tác hội thoại. “Các công cụ này có khả năng phân tích dữ liệu ngôn ngữ, nhận diện lỗi và đưa ra phản hồi mang tính cá nhân hoá, từ đó nâng cao hiệu quả học tập” (Sotomayor, 2023). Trong lĩnh vực dạy học tiếng Trung Quốc, công cụ AI được ứng dụng rộng rãi thông qua các nền tảng như chatbot luyện hội thoại, hệ thống chấm bài tự động và công cụ gợi ý từ vựng theo ngữ cảnh. Những công cụ này giúp người học tiếp cận với ngôn ngữ trong môi trường tương tác cao, đồng thời giảm bớt sự phụ thuộc vào phương pháp giảng dạy truyền thống.

2.3. Học ngoại ngữ có hỗ trợ máy tính (CALL) và học ngôn ngữ có hỗ trợ của AI

Học ngoại ngữ có hỗ trợ máy tính (CALL) là một trong những nền tảng lý thuyết quan trọng cho việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ. “CALL nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong việc cung cấp môi trường học tập tương tác, hỗ trợ luyện tập và cung cấp phản hồi tức thời cho người học” (Levy, 1997; Beatty, 2010). Trên cơ sở CALL, AI-assisted Language Learning (Học ngôn ngữ có sự hỗ trợ của AI) được phát triển như một hướng tiếp cận mới, trong đó “trí tuệ nhân tạo không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ mà còn tham gia vào quá trình phân tích, đánh giá và cá nhân hoá hoạt động học tập”. Các “hệ thống AI có khả năng thích ứng với trình độ của người học, từ đó đề xuất nội dung và chiến lược học tập phù hợp” (Chapelle, 2003).

2.4. Ảnh hưởng của AI đối với quá trình tự học ngoại ngữ

Các nghiên cứu gần đây cho thấy AI có thể mang lại nhiều lợi ích trong quá trình tự học ngoại ngữ, bao gồm: tăng khả năng tiếp cận nguồn ngữ liệu xác thực, cung cấp phản hồi tức thời, hỗ trợ cá nhân hoá lộ trình học tập. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích này, “việc sử dụng AI cũng tiềm ẩn một số hạn chế như: làm giảm động lực tư duy độc lập, tạo ra sự phụ thuộc vào công cụ, dẫn đến việc sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác nếu không có sự kiểm chứng” (Sotomayor, 2023). Do đó, việc nghiên cứu ảnh hưởng của AI đối với quá trình tự học tiếng Trung Quốc cần được tiếp cận một cách toàn diện, kết hợp giữa góc độ công nghệ và góc độ ngôn ngữ học ứng dụng.

2.5. Khái niệm “tự học”

Đã có nhiều học giả nghiên cứu về vấn đề tự học và đưa ra các khái niệm về tự học như sau: Theo Bùi Hiền (2001: 459) “*Tự học là quá trình hoạt động lĩnh hội tri thức khoa học và rèn luyện kỹ năng thực hành...*”. Tự học thể hiện bằng cách tự đọc tài liệu giáo khoa, sách báo các loại, nghe radio, truyền hình, nghe nói chuyện, báo cáo, tham quan bảo tàng, triển lãm, xem phim, kịch, giao tiếp với những người có học, với các chuyên gia và những người hoạt động thực tiễn trong các lĩnh vực khác nhau. Vì vậy, “với sinh viên, tự học là hình thức học tập cơ bản. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ của người học, sinh viên cần quan tâm đến những vấn đề: phương pháp nghe giảng, cách đọc giáo trình, sách, tài liệu tham khảo và tự xây dựng kế hoạch học tập cá nhân” (Nguyễn Đức Giang và Phạm Thị Hồng Nhung, 2019). Người tự học phải biết cách lựa chọn tài liệu, tìm ra những điểm chính, điểm quan trọng trong các tài liệu đã đọc, đã nghe, phải biết cách ghi chép những điều cần thiết, biết viết tóm tắt và làm đề cương, biết cách tra cứu từ điển và sách tham khảo, biết cách làm việc trong thư viện,... tự học đòi hỏi phải có tính độc lập, tự chủ, tự giác và kiên trì cao.

2.6. Tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy và học ngoại ngữ đã trở thành một hướng nghiên cứu nổi bật trong ngôn ngữ học ứng dụng. Những nghiên cứu liên quan đến học ngoại ngữ có hỗ trợ máy tính (CALL) cho thấy “công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng môi trường học tập, tăng cường tính tương tác và hỗ trợ cá nhân hoá quá trình tiếp thu ngôn ngữ của người học” (Levy, 1997; Beatty, 2010). Trên nền tảng đó, “sự xuất hiện của AI đã đánh dấu bước chuyển từ các công cụ hỗ trợ đơn thuần sang các hệ thống có khả năng phân tích, dự đoán và phản hồi ngôn ngữ theo thời gian thực tế” (Chapelle, 2003).

Trong bối cảnh này, một số nghiên cứu trên thế giới đã tập trung làm rõ vai trò của AI trong việc nâng cao hiệu quả tự học ngoại ngữ. Theo Sotomayor (2023), “các hệ thống AI có khả năng cá nhân hoá lộ trình học tập dựa trên dữ liệu người dùng, từ đó giúp người học cải thiện đồng thời nhiều kỹ năng ngôn ngữ”. Tuy nhiên, Sotomayor (2023) cũng chỉ ra việc “sử dụng AI nếu không được kiểm soát có thể dẫn đến sự phụ thuộc quá mức, làm suy giảm năng lực tư duy ngôn ngữ độc lập của người học”. Điều này cho thấy ảnh hưởng của AI đối với quá trình học ngoại ngữ mang tính hai mặt và cần được tiếp cận một cách toàn diện. Tại Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung nói riêng đã đã được quan tâm nghiên cứu từ sớm. Nguyễn Văn Khang (2014) cho rằng “công nghệ số góp phần thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, lấy người học làm trung tâm”. Nguyễn Văn Long (2016) cũng chỉ ra “các nền tảng học tập trực tuyến và công cụ số giúp sinh viên tăng cường khả năng tự học và tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng”.

Phần lớn các công trình nghiên cứu tại Việt Nam vẫn dừng lại ở việc đánh giá hiệu quả chung của công nghệ trong dạy học ngoại ngữ, trong khi việc phân tích cụ thể cách thức sinh viên sử dụng công cụ AI trong quá trình tự học tiếng Trung và những tác động đa chiều của chúng đến năng lực ngôn ngữ vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, các nghiên cứu thực nghiệm có dữ liệu định lượng về mức độ sử dụng, hành vi học tập và nhận thức của sinh viên đối với AI còn chưa nhiều, dẫn đến việc thiếu cơ sở khoa học vững chắc để đề xuất các giải pháp phù hợp.

2.7. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù các nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp những nền tảng lý luận quan trọng liên quan đến CALL, trí tuệ nhân tạo và tự học ngoại ngữ, có thể nhận thấy rằng vẫn còn tồn tại những khoảng trống nghiên cứu đáng lưu ý. Trước hết, phần lớn các công trình nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào vai trò của công nghệ trong môi trường giảng dạy có sự hướng dẫn của giảng viên, trong khi quá trình tự học tiếng Trung Quốc có sự hỗ trợ của công cụ AI vẫn chưa được khảo sát một cách hệ thống và toàn diện. Bên cạnh đó, xu hướng chung của các nghiên cứu là nhấn mạnh những lợi ích mà công nghệ mang lại, chẳng hạn như khả năng cá nhân hoá học tập hay tăng cường tiếp cận ngữ liệu, nhưng lại chưa được quan tâm đầy đủ đến các hệ quả tiêu cực có thể phát sinh. Những vấn đề như sự phụ thuộc vào công cụ AI, sự suy giảm năng lực tư duy ngôn ngữ độc lập, hay những sai lệch trong việc sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành vẫn chưa được phân tích một cách đầy đủ và có chiều sâu. Ngoài ra, trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm dựa trên dữ liệu định lượng về hành vi sử dụng AI của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, tại các cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng như trường Đại học Thương mại, việc khảo sát một cách cụ thể và có hệ thống về cách thức sinh viên khai thác các công cụ AI trong quá trình tự học vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Từ những hạn chế nêu trên, có thể thấy cần thiết phải tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu nhằm làm rõ ảnh hưởng của công cụ trí tuệ nhân tạo đối với quá trình tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên, không chỉ ở khía cạnh hiệu quả học tập mà còn ở năng lực sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh học thuật và nghề nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai theo hướng tiếp cận kết hợp giữa phương pháp định lượng và định tính nhằm đánh giá một cách toàn diện ảnh hưởng của các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) đối với quá trình tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên. Trong đó, phương pháp định lượng được sử dụng để thu thập và xử lý dữ liệu về mức độ sử dụng công cụ AI, mục đích sử dụng cũng như nhận thức của người học về hiệu quả của các công cụ này. Bên cạnh đó, phương pháp định tính được vận dụng thông qua việc phân tích các ý kiến phản hồi và câu trả lời mở của sinh viên, qua đó làm rõ hơn những khía

cạnh chưa thể phản ánh đầy đủ bằng số liệu thống kê. Mẫu khảo sát gồm 238 sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thương mại, được lựa chọn ngẫu nhiên theo tiêu chí là những sinh viên đã từng sử dụng ít nhất một công cụ AI trong quá trình tự học tiếng Trung Quốc. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các hoạt động tự học phổ biến như học từ vựng, dịch thuật, luyện viết và luyện giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc ngoài giờ lên lớp. Nhằm đánh giá ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo (AI) đối với quá trình tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên, bài viết thực hiện khảo sát mức độ dựa trên thang đo Likert 5 cấp độ từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”. Nội dung bảng hỏi tập trung vào sáu nhóm vấn đề chính: (1) mức độ sử dụng công cụ (AI) trong việc tự học tiếng Trung; (2) thời gian tự học tiếng Trung Quốc hàng ngày; (3) tần suất sử dụng công cụ AI cho việc tự học tiếng Trung Quốc; (4) mục đích sử dụng công cụ (AI) vào việc tự học tiếng Trung Quốc; (5) những ảnh hưởng tích cực mà người học nhận thấy, (6) các hạn chế hoặc rủi ro trong quá trình sử dụng. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định tần suất, tỉ lệ phần trăm và giá trị trung bình của các biến nghiên cứu. Trên cơ sở đó, các kết quả được phân tích và so sánh để làm rõ xu hướng sử dụng công cụ AI cũng như mức độ ảnh hưởng của chúng đối với quá trình tự học tiếng Trung của sinh viên.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng sử dụng công cụ AI vào quá trình tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

4.1.1. Mức độ sử dụng công cụ AI trong tự học tiếng Trung Quốc

Để có cái nhìn tổng quan về mức độ phổ biến của các công cụ trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên, nghiên cứu tiến hành khảo sát tần suất sử dụng AI trong nhóm đối tượng nghiên cứu. Kết quả thu được cho thấy AI đã trở thành một công cụ hỗ trợ quen thuộc đối với phần lớn sinh viên.

Bảng 1 cho thấy nhóm sinh viên sử dụng AI thường xuyên chiếm tỉ lệ cao nhất (51,3%). Điều này phản ánh xu hướng rõ rệt rằng AI không còn là công cụ mang tính bổ trợ nhất thời mà đã trở thành một phần quen thuộc trong hoạt động tự học của sinh viên. Việc hơn một nửa số người học duy trì thói quen sử dụng AI thường xuyên cho thấy mức độ tích hợp công nghệ vào quá trình học tập đang diễn ra tương đối sâu rộng.

Bảng 1. Mức độ sử dụng công cụ AI của sinh viên (n = 238)

Mức độ	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Thường xuyên	122	51,3
Thỉnh thoảng	98	41,1
Hiếm khi	18	7,6
Tổng	238	100

Bên cạnh đó, tỉ lệ sinh viên sử dụng AI ở mức thỉnh thoảng cũng đạt 41%, cho thấy một bộ phận đáng kể người học lựa chọn sử dụng AI theo nhu cầu cụ thể như tra cứu từ vựng, dịch thuật hoặc các bài tập dự án nhóm.... Nhóm này phản ánh xu hướng sử dụng linh hoạt, chưa hoàn toàn phụ thuộc nhưng đã bước đầu nhận thức được vai trò hỗ trợ của công nghệ. Tỉ lệ sinh viên hiếm khi sử dụng AI chỉ chiếm 7,5% cho thấy việc không sử dụng hoặc hạn chế sử dụng AI hiện không còn phổ biến trong bối cảnh học tập hiện nay. Kết quả này cho thấy AI đang dần trở thành một thành tố quan trọng trong hệ sinh thái học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

4.1.2. Thời gian tự học tiếng Trung Quốc hàng ngày

Bên cạnh việc xem xét mức độ sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo AI, thời gian tự học hàng ngày của sinh viên là một biến số quan trọng giúp phản ánh mức độ đầu tư và tính chủ động trong quá trình tự học tiếng Trung Quốc. Vì vậy, nghiên cứu tiến hành khảo sát thời lượng tự học trung bình hàng ngày của sinh viên, kết quả được trình bày trong bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Thời gian tự học tiếng Trung hàng ngày

Thời gian	Tần suất	Tỉ lệ (%)
Dưới 1 giờ	12	5
1-2 giờ	116	48,7
2-3 giờ	85	35,7
Trên 3 giờ	25	10,5

Kết quả cho thấy, phần lớn sinh viên dành từ 1 đến 2 giờ mỗi ngày cho việc tự học, chiếm tỉ lệ cao nhất với 48,7%. Đây có thể được xem là mức thời gian học tập phổ biến, phản ánh sự cân đối giữa việc học ngoại ngữ và các hoạt động học tập khác trong chương trình đào tạo đại học.

Đáng chú ý, nhóm sinh viên dành từ 2 đến 3 giờ mỗi ngày cũng chiếm tỉ lệ khá cao 35,7, cho thấy một bộ phận đáng kể người học có mức độ đầu tư tương đối nghiêm túc đối với việc học tiếng Trung. Trong khi đó, nhóm sinh viên học trên 3 giờ mỗi ngày chỉ chiếm 10,5% (25/238). Mặc dù đây là nhóm có mức độ đầu tư cao nhất, tỉ lệ này còn khá khiêm tốn, cho thấy số lượng sinh viên duy trì cường độ học tập chuyên sâu vẫn còn hạn chế. Ngược lại, tỉ lệ sinh viên dành dưới 1 giờ mỗi ngày cho việc tự học chỉ ở mức 5%, phản ánh rằng phần lớn người học đã ý thức được tầm quan trọng của việc duy trì thời gian học tập tối thiểu đối với một ngoại ngữ có độ phức tạp như tiếng Trung.

4.1.3. Tần suất sử dụng các công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc

Để làm rõ hơn hành vi sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo của sinh viên trong quá trình tự học tiếng Trung, bài viết đã tiến hành khảo sát tần suất sử dụng một số công cụ AI phổ biến. Việc phân tích theo từng loại công cụ AI không chỉ giúp nhận diện xu hướng lựa chọn của sinh viên mà còn phản ánh mức độ khai thác các chức năng khác nhau của AI trong học tập

Bảng 3. Tần suất sử dụng một số công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc

Công cụ AI	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Hiếm khi (%)
ChatGPT	52,2	38,4	9,4
Google Dịch	68,1	26,1	5,8
Từ điển thông minh tích hợp AI (Hanzi/Pleco...)	61,6	29,0	9,4
Duolingo	45,7	40,6	13,7
Ứng dụng luyện nói AI (HelloChinese/ Chinese AI...)	32,6	41,3	26,1

Bảng 3 cho thấy các công cụ phục vụ tra cứu và dịch thuật vẫn chiếm ưu thế rõ rệt. Cụ thể, Google Dịch là công cụ được sử dụng thường xuyên nhất, với tỉ lệ lên tới 68,1%, trong khi chỉ 5,8% sinh viên cho biết hiếm khi sử dụng. Tương tự, nhóm từ điển thông minh tích hợp AI (như Hanzi, Pleco) cũng có tỉ lệ sử dụng thường xuyên cao (61,6%), cho thấy nhu cầu tra cứu từ vựng và ngữ nghĩa vẫn là hoạt động trung tâm trong quá trình tự học tiếng Trung của sinh viên. Đối với ChatGPT, tỉ lệ sử dụng thường xuyên đạt 52,2%, trong khi 38,4% sinh viên sử dụng ở mức thỉnh thoảng. Kết quả này cho thấy ChatGPT đã được tích hợp vào hoạt động học tập của một bộ phận lớn sinh viên, không chỉ như công cụ tra cứu mà còn như một “trợ lý học tập” hỗ trợ giải thích, gợi ý và luyện tập ngôn ngữ. Tuy nhiên, so với các công cụ tra cứu truyền thống, mức độ sử dụng ChatGPT vẫn thấp hơn, phản ánh sự thận trọng nhất định của người học khi tiếp cận các công nghệ mới. Ở nhóm các ứng dụng học tập mang tính tương tác và phát triển kỹ năng, kết quả cho thấy mức độ sử dụng có xu hướng phân tán hơn. Duolingo có tỉ lệ sử dụng thường xuyên là 45,7% và thỉnh thoảng là 40,6%, cho thấy công cụ này được nhiều sinh viên lựa chọn nhưng chưa trở thành thói quen ổn định. Đáng chú ý, các ứng dụng luyện nói AI (như HelloChinese, Chinese AI) có tỉ lệ sử dụng thường xuyên thấp nhất (32,6%) và tỉ lệ “hiếm khi” cao nhất (26,1%). Điều này phản ánh thực tế rằng các kỹ năng mang tính sản sinh ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói, vẫn chưa được sinh viên khai thác hiệu quả thông qua công nghệ AI. Kết quả bảng 3 đã phản ánh xu hướng sử dụng AI của sinh viên hiện nay vẫn thiên về các công cụ hỗ trợ xử lý ngôn ngữ ở mức cơ bản (tra cứu, dịch thuật), trong khi các công cụ hỗ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ ở mức cao hơn chưa được tận dụng tương xứng.

4.1.4. Mục đích sử dụng công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc

Để tìm hiểu cách thức sinh viên khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo trong quá trình tự học tiếng Trung, nghiên cứu tiến hành khảo sát các mục đích sử dụng AI phổ biến của người học. Việc phân tích theo mục đích sử dụng không chỉ giúp nhận diện xu hướng hành vi học tập mà còn phản ánh mức độ tận dụng các chức năng khác nhau của công nghệ trong phát triển năng lực ngôn ngữ.

Kết quả cho thấy, tra từ vựng là mục đích sử dụng AI phổ biến nhất, với tỉ lệ lên tới 85,5%. Điều này cho thấy nhu cầu tiếp cận và hiểu nghĩa từ vựng vẫn là trọng tâm trong quá trình học tiếng Trung của sinh viên. Với đặc thù là ngôn ngữ có hệ thống chữ viết tượng hình và nhiều lớp nghĩa, việc sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ tra cứu nhanh giúp người học tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả tiếp nhận từ vựng. Kết quả cụ thể như bảng 4 dưới đây:

Bảng 4. Mục đích sử dụng công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc

Mục đích	Tỉ lệ (%)
Tra từ vựng	85,5
Dịch câu/đoạn văn	78,3
Luyện viết	62,4
Luyện nghe nói	48,7
Học thuật ngữ chuyên ngành	41,2

Sử dụng AI với mục đích dịch câu/đoạn văn là 78,3%, cho thấy sinh viên có xu hướng sử dụng AI như một công cụ xử lý ngôn ngữ ở cấp độ văn bản. Hoạt động này không chỉ phục vụ việc hiểu nội dung mà còn hỗ trợ hoàn thành các nhiệm vụ học tập như đọc hiểu tài liệu hoặc làm bài tập dịch. Tuy nhiên, việc phụ thuộc vào dịch máy cũng có thể tiềm ẩn nguy cơ làm giảm khả năng phân tích cấu trúc và tư duy ngôn ngữ của người học nếu không được kiểm soát hợp lý. Ở nhóm các kỹ năng như luyện viết đạt 62,4%, phản ánh việc sinh viên đã bước đầu khai thác AI như một công cụ hỗ trợ tạo lập văn bản. Trong khi đó, tỉ lệ sử dụng AI cho luyện nghe nói chỉ đạt 48,7%, cho thấy mức độ ứng dụng công nghệ vào phát triển kỹ năng giao tiếp còn tương đối hạn chế. Điều này có thể xuất phát từ đặc điểm của các công cụ hiện nay, vốn vẫn chưa tạo được môi trường tương tác tự nhiên như giao tiếp thực tế, hoặc từ tâm lý e ngại của người học khi sử dụng công nghệ trong luyện nói.

4.1.5. Ảnh hưởng tích cực của công cụ AI đến việc tự học tiếng Trung Quốc

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng tích cực của các công cụ trí tuệ nhân tạo đối với quá trình tự học tiếng Trung của sinh viên, nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để thu thập ý kiến người học. Các tiêu chí đánh giá tập trung vào cả khía cạnh nhận thức ngôn ngữ, hiệu quả học tập và trải nghiệm học tập.

Bảng 5. Đánh giá ảnh hưởng tích cực của công cụ AI

Nội dung	Mean
Hiểu nghĩa từ nhanh hơn	4,32
Cung cấp ngữ cảnh sử dụng	4,18
Cải thiện kỹ năng tiếng Trung Quốc	4,05
Cải thiện kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá	3,96
Tăng thêm động lực học tập	4,56
Học tập tiết kiệm chi phí dịch vụ, thời gian, chi phí đi lại	3,51
Tạo môi trường học tích cực và thú vị	3,88
Phản hồi tức thì	4,18
Tạo cơ hội học hỏi, giao lưu từ cộng đồng	3,12

Nhìn chung, các giá trị trung bình dao động từ 3,12 đến 4,56 cho thấy sinh viên đánh giá tương đối tích cực vai trò của AI, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng có sự phân hoá rõ rệt giữa các khía cạnh. Đáng chú ý, tiêu chí “tăng thêm động lực học tập” đạt điểm trung bình cao nhất (mean = 4,56), cho thấy AI không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà còn góp phần kích thích hứng thú và sự chủ động trong học tập. Kết quả này phản ánh xu hướng người học ngày càng coi AI như một “đối tác học tập” giúp duy trì sự tham gia liên tục trong quá trình tự học. Bên cạnh đó, các tiêu chí như “hiểu nghĩa từ nhanh hơn” (mean = 4,32) và nhóm các yếu tố đạt mức 4,18 bao gồm cung cấp ngữ cảnh sử dụng và phản hồi tức thì tiếp tục khẳng định thế mạnh nổi bật của AI trong việc hỗ trợ xử lý và tiếp nhận ngôn ngữ. Những kết quả này cho thấy AI đặc biệt hiệu quả trong việc rút ngắn thời gian tra cứu, đồng thời cung cấp ngữ liệu và phản hồi kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả học tập. Ngược lại, một số tiêu chí có điểm trung bình thấp hơn đáng kể, như tạo môi trường học tập tích cực và thú vị (mean = 3,88), tiết kiệm chi phí và thời gian (mean = 3,51) và đặc biệt là tạo cơ hội học hỏi, giao lưu từ cộng đồng (mean = 3,12). Điều này cho thấy mặc dù AI có nhiều ưu thế về mặt cá nhân hoá và tiện lợi, nhưng khả năng thúc đẩy tương tác xã hội và xây dựng môi trường học tập mang tính cộng đồng vẫn còn hạn chế.

4.1.6. Hạn chế khi sử dụng công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc

Việc nhận diện các mặt hạn chế không chỉ giúp nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện mà còn là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp.

Bảng 6. Hạn chế khi sử dụng công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc

Nội dung	Mean
Phụ thuộc vào AI	3,92
Giảm khả năng tư duy độc lập	3,75
Thông tin chưa chính xác	3,68
Giảm khả năng tự viết	3,61
Khó khai thác công cụ AI một cách hiệu quả	3,25
Thiếu môi trường giao tiếp thực tế	4,15
Không phân biệt được sắc thái ngôn ngữ	4,09

sẽ khiến cho bản thân dễ bị mắc lỗi giao tiếp kiểu sách vở, cứng nhắc và thiếu tự nhiên. Tiếp theo, hạn chế “phụ thuộc vào AI” với điểm trung bình (mean = 3,92). Kết quả này phản ánh thực tế rằng việc sử dụng AI với tần suất cao có thể dẫn đến xu hướng lệ thuộc vào công cụ, đặc biệt trong các hoạt động như tra cứu và dịch thuật, từ đó làm suy giảm vai trò chủ động của người học. Tiêu chí “giảm khả năng tư duy độc lập” (mean = 3,75) cũng được đánh giá ở mức khá cao. Điều này cho thấy sinh viên nhận thức được rằng việc dựa quá nhiều vào AI có thể hạn chế khả năng phân tích, suy luận và xử lý ngôn ngữ một cách độc lập. Bên cạnh đó, vấn đề “thông tin chưa chính xác” (mean = 3,68) cho thấy sinh viên vẫn còn băn khoăn về độ tin cậy của kết quả do AI cung cấp. Điều này đặc biệt đáng lưu ý trong bối cảnh học tiếng Trung thương mại, nơi yêu cầu độ chính xác cao về thuật ngữ và ngữ cảnh sử dụng. Nếu người học không có khả năng kiểm chứng, việc tiếp nhận thông tin sai lệch có thể ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực ngôn ngữ. Một số như “giảm khả năng tự viết” (mean = 3,61) và “khó khai thác công cụ AI một cách hiệu quả” (mean = 3,25) cho thấy tác động của AI đến kỹ năng sản sinh ngôn ngữ và hiệu quả sử dụng công cụ AI là có tồn tại, nhưng chưa phải là vấn đề nghiêm trọng đối với đa số sinh viên. Tuy nhiên, những yếu tố này vẫn cần được lưu ý trong quá trình hướng dẫn người học sử dụng AI một cách hiệu quả.

Từ kết quả phân tích thực trạng sử dụng công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên, có thể thấy rằng việc ứng dụng AI trong tự học tiếng Trung của sinh viên mang lại nhiều lợi ích rõ rệt, đặc biệt trong việc hỗ trợ tiếp nhận và xử lý ngôn ngữ. Tuy nhiên, những hạn chế như phụ thuộc vào công nghệ, suy giảm năng lực tư duy độc lập và việc chưa khai thác hiệu quả các chức năng nâng cao của AI cũng đặt ra những thách thức đáng lưu ý trong quá trình học tập. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ AI trong quá trình tự học tiếng Trung Quốc của sinh viên, góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ một cách toàn diện và hiệu quả.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung

4.2.1. Định hướng sử dụng công cụ AI theo mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ

Trước hết, cần chuyển từ cách tiếp cận sử dụng AI như một công cụ tra cứu đơn thuần sang việc khai thác AI như một phương tiện phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện. Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên sử dụng AI không chỉ để tìm nghĩa từ mà còn để phân tích ngữ cảnh, so sánh cách dùng và thực hành tạo lập ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể, đặc biệt là trong lĩnh vực tiếng Trung thương mại.

4.2.2. Phát triển năng lực tư duy phân biện và kiểm chứng thông tin

Để hạn chế nguy cơ phụ thuộc và tiếp nhận thông tin sai lệch, cần chú trọng rèn luyện cho sinh viên năng lực đánh giá và kiểm chứng kết quả do AI cung cấp. Người học cần được hướng dẫn cách đối chiếu nhiều nguồn thông tin, sử dụng kho ngữ liệu và tài liệu chuyên ngành để xác nhận tính chính xác của ngôn ngữ, từ đó nâng cao tính chủ động trong học tập.

4.2.3. Kết hợp công cụ AI với các hoạt động học tập tương tác

Một trong những hạn chế của công cụ AI là chưa tạo được môi trường giao tiếp xã hội thực sự. Do đó, cần kết hợp việc sử dụng AI với các hoạt động học tập mang tính tương tác như thảo luận nhóm, đóng vai tình huống thương mại hoặc thực hành giao tiếp. Sự kết hợp này giúp bù đắp hạn chế của công nghệ, đồng thời phát triển toàn diện các kỹ năng ngôn ngữ.

4.2.4. Tăng cường ứng dụng công cụ AI trong phát triển kỹ năng sản sinh

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên chưa khai thác hiệu quả AI trong luyện nói và viết. Vì vậy, cần thiết kế các nhiệm vụ học tập yêu cầu sinh viên sử dụng AI để xây dựng đoạn văn, luyện hội thoại,

Nhìn chung, các giá trị trung bình dao động từ 3,25 đến 3,92 cho thấy sinh viên có xu hướng nhận thức khá rõ về những rủi ro tiềm ẩn khi sử dụng AI trong học tập. Trong đó, hạn chế nổi bật nhất là “thiếu môi trường giao tiếp thực tế” và “không phân biệt được sắc thái ngôn ngữ với điểm trung bình cao nhất (mean = 4,15 và 4,09), đa số sinh viên trả lời phỏng vấn đều cho rằng với nếu như chỉ học và giao tiếp với công cụ AI sẽ khiến

sau đó chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm dựa trên phản hồi của giảng viên. Cách tiếp cận này giúp chuyển vai trò của AI từ “công cụ hỗ trợ” sang “đối tác học tập”.

4.2.5. Tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng tự học của sinh viên.

Trên thực tế có một số sinh viên sử dụng công cụ AI hỗ trợ làm bài tập về nhà với kết quả chính xác 100% đối với các dạng bài trắc nghiệm, đạt mức tốt trở lên với bài dịch và tự luận. Tuy nhiên, khi kiểm tra trên lớp (theo quy định không được dùng tài liệu, kể cả điện thoại thông minh trong thi cử) những sinh viên này không làm được bài viết và dịch, tỉ lệ sai trong bài trắc nghiệm cũng nhiều. Điều đó chứng tỏ những sinh viên này phụ thuộc AI, học theo kiểu chống đối. Giảng viên cần thường xuyên kiểm tra kết quả tự học của sinh viên, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn thái độ học tập chống đối, đảm bảo tính khách quan trong học tập và thi cử.

4.2.6. Xây dựng quy trình sử dụng công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc

Để nâng cao hiệu quả và hạn chế rủi ro, cần xây dựng một *công cụ AI vào việc tự học tiếng Trung Quốc* bao gồm các bước: (1) Xác định mục tiêu học tập, (2) Sử dụng AI để hỗ trợ, (3) Kiểm chứng thông tin, (4) Thực hành và điều chỉnh, và (5) Tự đánh giá kết quả. Quy trình này giúp người học sử dụng AI một cách có hệ thống và có kiểm soát.

5. Kết luận

Trên cơ sở khảo sát đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thương mại, bài viết đã làm rõ thực trạng sử dụng công cụ AI, các mục đích khai thác, mức độ ảnh hưởng cũng như những hạn chế trong quá trình tự học. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên sử dụng công cụ AI với tần suất cao, chủ yếu tập trung vào các hoạt động tra cứu từ vựng và dịch thuật. AI được đánh giá có tác động tích cực rõ rệt trong việc hỗ trợ tiếp nhận ngôn ngữ, cung cấp ngữ cảnh và phản hồi tức thì. Tuy nhiên, việc khai thác công cụ AI trong phát triển các kỹ năng sản sinh ngôn ngữ và sử dụng trong bối cảnh chuyên ngành còn hạn chế. Đồng thời, các vấn đề như sự phụ thuộc vào công nghệ, suy giảm tư duy độc lập và độ tin cậy của thông tin cũng đặt ra những thách thức đáng lưu ý. Từ những kết quả này, nghiên cứu khẳng định rằng AI có tiềm năng lớn trong việc hỗ trợ tự học tiếng Trung, nhưng hiệu quả phụ thuộc đáng kể vào cách thức sử dụng và mức độ chủ động của người học. Do đó, việc tích hợp AI cần được định hướng trong một khuôn khổ sư phạm hợp lý, kết hợp giữa công nghệ và các hoạt động học tập mang tính tương tác nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ một cách toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
2. Nguyễn Đức Giang, Phạm Thị Hồng Nhung (2019). *Hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá năng lực tự học và quy trình tổ chức phát triển năng lực tự học cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7, 185-190; 194.
3. Nguyễn Văn Khang (2014). *Ngôn ngữ học xã hội*. NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Văn Long (2016). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Từ kinh nghiệm quốc tế đến thực tại ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục, Tập 32, Số 2 (2016) 36-47.

Tiếng nước ngoài

5. Beatty, K. (2010). *Teaching and researching computer-assisted language learning* (2nd ed.). Routledge.
6. Benson, P. (2011). *Teaching and researching autonomy in language learning*. Routledge.
7. Chapelle, C. A. (2003). *English language learning and technology*. John Benjamins.
8. Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Pergamon.
9. Levy, M. (1997). *Computer-Assisted Language Learning (CALL): Context and conceptualisation*. Oxford University Press. DOI:10.1093/oso/9780198236320.001.0001
10. Sotomayor Cantos, K. F., Varas Giler, R. C., & Castro Magayanes, I. E. (n.d.) (2023). *Artificial intelligence in second language learning and teaching*. Ciencia Latina Revista Científica Multidisciplinar Julio-Agosto, 2023, Volumen 7, Número 4 https://doi.org/10.37811/cl_rcm.v7i4.7368
11. 李泉. (2020). 信息技术环境下对外汉语教学模式研究. *世界汉语教学*, 34(2), 245-256.
12. Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge University Press.